TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2024/DS-ST
Ngày 04 – 9 – 2024
V/v tranh chấp chia thừa kế tài sản,
hợp đồng chuyển nhượng QSD đất,
hợp đồng tín dụng và hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Sim

2. Ông Nguyễn Minh Trọn

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 và ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2022/TLST-DS, ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp chia thừa kế tài sản, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng tín dụng và hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 777/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp Đường C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp Đường C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Tô Chí L, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp Vàm X, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

3.2. Anh Hồ Vũ Anh T, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp Giải P, xã T, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của anh Tô Chí L, anh Hồ Vũ Anh T: Anh Hoàng Trung H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền của anh Tô Chí L, anh Hồ Vũ Anh T (văn bản ủy quyền ngày 01/8/2022 – xin vắng mặt).

3.3. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; Địa chỉ: số 02, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam: Ông Trần Thanh Th – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện P là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định số: 2665/QĐ-NHN_o-PC ngày 01/12/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – có mặt).

3.4. Ông Trịnh Minh K, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp Đường C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

3.5. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp K, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

3.6. Bà Nguyễn Kim Đ1, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

3.7. Ông Nguyễn Quốc N, sinh năm 1975 và bà Lâm Thị X, anh Nguyễn Bình N2; Cùng địa chỉ: ấp Đường C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

3.8. Ông Nguyễn Quốc H2, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1976; Cùng địa chỉ: ấp Đường C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

3.9. Ông Nguyễn Quốc K1, sinh năm 1968; Địa chỉ: ấp Đường C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3.10. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp An H, xã Trần T, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

3.11. Ông Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp Đường C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

3.12. Ông Trịnh Văn K2, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp Cống Đ, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

3.13. Anh Đoàn Tấn Đ2, sinh năm 1983 và chị Lương Ngọc H4, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp Đường C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

3.14. Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội (Viettel); Địa chỉ: Lô D26, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội (Viettel): Anh Nguyễn Chí T2, sinh năm 1981 - Chức vụ: Trưởng phòng Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội (Viettel) Cà Mau; Địa chỉ: số 298, đường Trần Hưng Đ, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03/3/2023 – xin vắng mặt).

3.15. Chị Trần Thị K3, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp Đường C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

3.16. Chị Nguyễn Bích H5; Địa chỉ: ấp Đường C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn V (nguyên đơn) trình bày:

Cha mẹ của anh là cụ Nguyễn Văn Thành, cụ Ngô Thị Sy Gal. Hai cụ chung sống với nhau có 09 người con gồm: Nguyễn Quốc T1, Nguyễn Quốc K1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Quốc H2, Nguyễn Quốc N, Nguyễn Kim Đ1, Nguyễn Quốc Đ, Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Văn V. Quá trình chung sống, hai cụ tạo lập được phần đất có diện tích 46580m^2 tọa lạc tại ấp Đường C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đã được UBND huyện Cái Nước (nay là huyện Phú Tân) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Thành vào ngày 01/6/1995.

Cụ Gal chết ngày 24/7/2015, cụ Thành chết ngày 07/01/2022, cả hai cụ chết không để lại di chúc. Lúc sinh thời, cụ Thành đã chuyển nhượng cho ông Trịnh Minh K phần đất có diện tích khoảng 10.000m^2 nhưng chưa tách thửa, sang tên cho ông K, phần diện tích 36580m^2 các cụ chưa phân chia cho ai mà do anh Nguyễn Quốc Đ đang trực tiếp quản lý, sử dụng và cụ Thành đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện P để vay số tiền 900.000.000 đồng đến nay chưa trả. Ngoài ra, cụ Thành còn chuyển nhượng cho anh Đoàn Tấn Đ2 một nền nhà có diện tích theo đo đạc thực tế là 132m^2 vào năm 2020, hiện vợ chồng anh Đ2 đã xây dựng nhà kiên cố ở trên đất nên anh V khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần diện tích đất còn lại của hai cụ là 36580m^2 thành 09 phần bằng nhau, mỗi người được hưởng với diện tích là 4064,4m^2 và buộc anh Đ giao lại phần diện tích đất này cho anh quản lý sử dụng. Đồng thời, yêu cầu hủy bỏ giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa anh Đ với ông K1, ông N để giao lại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 4713,0m^2 nằm trong tổng diện tích 36580m^2 để chia thừa kế.

Tại phiên tòa, anh V đồng ý với yêu cầu của ông K về việc công nhận phần đất cụ Thành đã chuyển nhượng có diện tích theo đo đạc thực tế là 8972,8m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông K và thống nhất việc ông K trả số vàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn lại cho anh cùng anh Đ mỗi người 2,5 chỉ vàng 24K. Đối với diện tích đất mà cụ Thành chuyển nhượng cho vợ chồng anh Đ2, anh cũng thống nhất để vợ chồng anh Đ2 quản lý, sử dụng không đặt ra yêu cầu gì. Do đó, anh yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần diện tích đất còn lại trong đó có phần diện tích đất theo đo vẽ thực tế là 4713m^2 mà anh Đ nhận cầm cố của ông K1, ông N sau khi trừ diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông K cùng vợ chồng anh Đ2 và trừ diện tích đất để lại dùng vào việc thờ cúng là 1191,7,8m^2, diện tích đất đường đi vào mộ có chiều ngang 02m, chiều dài cạnh 86,12m, chiều dài cạnh 87,42m theo bản vẽ hiện

trạng được đo đạc thực tế. Đồng thời, yêu cầu hủy bỏ việc cầm cố đất giữa anh Đ với ông K1, ông N đối với phần đất theo đo vẽ thực tế là 4713m^2 và đồng ý nhận kỷ phần thừa kế mà các đồng thừa kế tặng cho. Đối với khoản nợ vay của Ngân hàng, anh nhận trách nhiệm trả nợ vốn và lãi cho Ngân hàng tương ứng với kỷ phần thừa kế đã nhận bao gồm cả kỷ phần được tặng cho. Riêng khoản nợ anh Hồ Vũ Anh T, anh Tô Chí L khởi kiện đã có kết luận giám định không phải chữ ký của cụ Thành và anh L, anh T đã rút đơn khởi kiện nên anh đồng ý với việc rút đơn này nhưng anh có yêu cầu anh L, anh T hoàn trả lại chi phí giám định với số tiền 6.920.000 đồng và yêu cầu ông K1 cùng anh Đ hoàn trả lại chi phí đo đạc tương ứng với kỷ phần thừa kế được nhận.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, anh Nguyễn Quốc Đ (bị đơn) trình bày:

Về thời gian cụ Thành, cụ Gal chết và quan hệ thừa kế, di sản do người chết để lại anh V trình bày là đúng. Cụ Gal, cụ Thành chết không để lại di chúc nên anh đồng ý chia thừa kế theo pháp luật theo yêu cầu của anh V. Hiện phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 45898,3m^2 nhưng vào năm 2000, cụ Thành đã chuyển nhượng cho ông K 7,7 công tầm lớn (tầm 03m) theo đo vẽ thực tế có diện tích 8972,8m^2 với giá 92,4 chỉ vàng 24K, ông K đã trả cho cụ Thành 87,4 chỉ vàng 24K và đã giao đất cho ông K quản lý, sử dụng cho đến nay còn lại 05 chỉ vàng 24K, hai bên thỏa thuận khi nào cụ Thành tách quyền sử dụng đất thì ông K sẽ trả số vàng trên. Đến năm 2001, cụ Thành chia cho ông N và ông T1, ông H2, ông K1 mỗi người 02 công, việc chia có lập biên bản nhưng không giao đất mà lấy số vàng ông K trả cho lại ông T1, ông N và ông H2 tương ứng với diện tích đất được cụ Thành chia. Tuy nhiên, chỉ có ông T1 và ông H2 nhận đủ số vàng của 02 công là 2,4 lượng vàng 24K còn ông N chỉ nhận 1,2 lượng vàng 24K tương ứng với 01 công còn lại 01 công, riêng ông K1 không nhận nên cụ Thành cho phần đất 02 công của ông K1 và 01 công của ông N tiếp giáp với phần đất chuyển nhượng cho ông K theo đo vẽ thực tế có diện tích 4713m^2. Sau đó, ông K1 và ông N cố lại cho ông Dân, ông Dân cố lại cho ông Cầu nên anh Đ đứng ra chuộc lại đất để canh tác, cụ thể: phần 01 công đất của ông N, anh Đ chuộc với giá 2,5 chỉ vàng 24K; phần đất 02 công của ông K1, anh Đ chuộc với giá 5,5 chỉ vàng 24K. Việc chuộc đất ông K1, ông N biết và thống nhất cố lại cho anh Đ bằng với số vàng anh Đ đã chuộc lại để quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa, anh Đ đồng ý với yêu cầu của ông K về việc công nhận phần đất chuyển nhượng có diện tích theo đo đạc thực tế là 8972,8m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông K và thống nhất việc ông K trả số vàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn lại cho anh cùng anh V mỗi người 2,5 chỉ vàng 24K. Đối với diện tích đất mà cụ Thành chuyển nhượng cho vợ chồng anh Đ2, anh cũng thống nhất để vợ chồng anh Đ2 quản lý, sử dụng không đặt ra yêu cầu gì. Đồng thời, anh Đ thống nhất chia thừa kế theo pháp luật đối với phần diện tích đất còn lại trong đó có phần diện tích đất theo đo vẽ thực tế là 4713m^2 mà anh nhận cầm cố của ông K1, ông N sau khi trừ diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông K cùng vợ chồng anh Đ và trừ diện tích đất để lại dùng vào việc thờ cúng là 1191,7,8m^2, diện tích đất đường đi vào mộ có chiều ngang

02m, chiều dài cạnh 86,12m, chiều dài cạnh 87,42m theo bản vẽ hiện trạng được đo đạc thực tế. Bên cạnh đó, anh cũng thống nhất việc anh Vốn yêu cầu hủy bỏ hợp đồng cầm cố đất giữa anh với ông K1, ông N đối với phần đất theo đo vẽ thực tế là 4713m^2 để đưa vào chia thừa kế nhưng anh có yêu cầu ông K1 trả lại cho anh 5,5 chỉ vàng 24K, riêng 2,5 chỉ vàng 24K mà ông N đã nhận từ việc cố đất, anh không yêu cầu ông N trả lại mà giữa anh với ông N sẽ tự thương lượng, thỏa thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác, anh đồng ý nhận kỷ phần thừa kế mà các đồng thừa kế tặng cho và anh nhận trách nhiệm trả nợ vốn, lãi cho Ngân hàng tương ứng với kỷ phần thừa kế đã nhận bao gồm cả kỷ phần được tặng cho. Đối với khoản nợ anh Hồ Vũ Anh T, anh Tô Chí L khởi kiện đã có kết luận giám định không phải chữ ký của cụ Thành và anh L, anh T đã rút đơn khởi kiện nên anh đồng ý với việc rút đơn này. Ngoài ra, anh yêu cầu ông K1 cùng anh V hoàn trả lại chi phí định giá tương ứng với kỷ phần thừa kế được chia.

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện P (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Ngày 01/11/2021, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện P có ký hợp đồng tín dụng số: 7508LAV202103339 cho cụ Nguyễn Văn Thành vay số tiền 930.000.000 đồng, mục đích vay để nuôi tôm, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất thỏa thuận khi vay là 7.35%/năm hoặc theo lãi suất ghi trên từng báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ và được điều chỉnh định kỳ tối thiểu 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Khi vay, cụ Thành có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số D 0748689 do UBND huyện Cái Nước cấp cho cụ Thành vào ngày 01/6/1995, việc thế chấp có lập hợp đồng được chứng thực vào ngày 10/4/2018, phụ lục hợp đồng thế chấp được chứng thực ngày 07/7/2020 và đã được đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Quá trình vay, do cụ Thành chết và các con của cụ có tranh chấp chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất hiện đang thế chấp nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc những người nhận thừa kế tài sản của cụ Thành, cụ Gal cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/8/2024 là 1.262.382.000 đồng (nợ gốc 930.000.000 đồng, lãi 332.382.000 đồng) và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày tất toán khoản vay. Đồng thời, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Đối với việc ông K yêu cầu công nhận phần đất nhận chuyển nhượng của cụ Thành với diện tích 8972,8m^2 và phần đất chuyển nhượng cho vợ chồng anh Đoàn Tấn Đ2 là 132m^2, diện tích đất để lại dùng vào việc thờ cúng là 1191,7,8m^2 cùng diện tích đất đường đi vào mộ có chiều ngang 02m, chiều dài cạnh 86,12m, chiều dài cạnh 87,42m theo bản vẽ hiện trạng được đo đạc nằm trong quyền sử dụng đất cụ Thành đang thế chấp tại Ngân hàng thì người đại diện hợp pháp của Ngân hàng cũng đồng ý, không có yêu cầu gì với lý do diện tích đất còn lại đảm bảo được khoản nợ vay của Ngân hàng.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị N cùng ông Nguyễn Quốc H2, bà Nguyễn Kim Đ1 và bà Nguyễn Thị H1 (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Các ông, bà là con của cụ Nguyễn Văn Thành, cụ Ngô Thị Sy Gal. Hai cụ chung sống với nhau có 09 người con gồm: Nguyễn Quốc T1, Nguyễn Quốc K1, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Quốc H2, Nguyễn Quốc N, Nguyễn Kim Đ1, Nguyễn Quốc Đ, Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Văn V.

Cụ Gal chết ngày 24/7/2015, cụ Thành chết ngày 07/01/2022 nhưng cả hai cụ không để lại di chúc. Lúc sinh thời, hai cụ tạo lập được phần đất có diện tích 46580m^2 tọa lạc tại ấp Đường C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đã được UBND huyện Cái Nước (nay là huyện Phú Tân) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Thành vào ngày 01/6/1995. Năm 2000, cụ Thành đã chuyển nhượng cho ông Trịnh Minh K phần đất có diện tích khoảng 7,7 công với giá 12 chỉ vàng 24k/01 công. Việc chuyển nhượng chỉ làm giấy tay, chưa chuyển tên quyền sử dụng đất cho ông K và cụ Thành là người nhận vàng. Đến ngày 01/11/2021, cụ Thành thế chấp toàn bộ phần đất nêu trên để vay số tiền 930.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện P. Nay các ông bà thống nhất việc chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất của hai cụ và đồng ý tặng cho lại kỷ phần thừa kế được hưởng cho anh V, ông K1 được hưởng, cụ thể: Ông H2, bà N1, bà Đ1 giao toàn bộ kỷ phần cho anh V, riêng bà H1 giao cho anh V và ông K1, mỗi người được hưởng ½ kỷ phần thừa kế của bà với điều kiện anh V, ông K1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Đồng thời, thống nhất việc ông K yêu cầu công nhận phần đất nhận chuyển nhượng từ cụ Thành có diện tích 8972,8m^2 và phần 05 chỉ vàng còn lại ông K có trách nhiệm trả cho anh V, anh Đ hưởng. Do đó, phần nợ của Ngân hàng thì anh V, anh Đ cùng ông K1 chịu trách nhiệm trả tương ứng với phần tài sản mình được hưởng và nghĩa vụ nộp án phí. Riêng căn nhà của ông H2 cất trên đất có diện tích 93,8m^2 được lợp bằng cây lá địa phương, hiện không còn ai ở, quản lý và ông H2 không đặt ra yêu cầu gì đối với căn nhà trên. Đồng thời, do bận nhiều công việc làm ăn và điệu kiện đi lại khó khăn, nên các ông bà xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

Tại đơn yêu cầu độc lập và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trịnh Minh K (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Năm 2000, cụ Nguyễn Văn Thành đã chuyển nhượng cho ông phần đất có diện tích 7,7 công theo đo đạc thực tế là 8972,8m^2 nhưng chỉ bằng giấy tay với giá 12 chỉ vàng 24K/01 công và ông đã giao cho cụ Thành 87,4 chỉ vàng 24K, cụ Thành đã giao đất cho ông quản lý, sử dụng còn lại 05 chỉ vàng 24K chưa giao và hai bên thỏa thuận khi nào cụ Thành chuyển tên quyền sử dụng đất sang tên ông thì ông sẽ giao hết số vàng còn lại. Từ khi nhận chuyển nhượng đến nay, cụ Thành chưa chuyển tên cho ông vì quyền sử dụng đất cụ Thành còn thế chấp vay vốn tại Ngân hàng. Quá trình quản lý, sử dụng đất ông đã cho ông Trịnh Văn K2 thuê phần đất trên trong thời hạn 03 năm, giá thuê mỗi năm là 6.000.000 đồng đến tháng 6/2023 hết hạn hợp đồng thuê

nhưng giữa hai bên không gia hạn hợp đồng thuê tiếp và hiện ông đang quản lý, canh tác phần đất này. Đối với hợp đồng thuê giữa ông với ông K2, ông sẽ tự thỏa thuận với ông K2, không yêu cầu Tòa án giải quyết và có yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với cụ Thành do các con của cụ Thành có tranh chấp chia thừa kế đối với phần đất nêu trên. Tuy nhiên, giữa các con cụ Thành cùng ông và Ngân hàng đã thỏa thuận được nên ông không yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với cụ Thành mà công nhận phần đất nhận chuyển nhượng có diện tích theo đo đạc thực tế là 8972,8m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông và ông sẽ chịu trách nhiệm trả tiếp 05 chỉ vàng 24K cho anh V, anh Đ. Đồng thời, do bận nhiều công việc nên ông K xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, ông Nguyễn Quốc K1 (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Về thời gian cụ Thành, cụ Gal chết và quan hệ thừa kế, di sản do người chết để lại, việc cụ Thành chia đất, chuyển nhượng cho ông K, anh Đ2 và thế chấp vay vốn tại Ngân hàng, việc ông cùng ông N cố đất cho anh Đ mà anh V, anh Đ trình bày là đúng. Quá trình giải quyết vụ án, ông khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với toàn bộ phần diện tích đất 46580m^2 và buộc anh Đ là người hiện đang quản lý, sử dụng đất giao lại phần đất có diện tích đất được hưởng là 5.175,6m^2 cho ông quản lý, sử dụng. Tại tòa, ông K1 thay đổi yêu cầu khởi kiện và thống nhất theo lời trình bày và có cùng yêu cầu với anh V. Đồng thời, ông đồng ý trả lại anh Đ 5,5 chỉ vàng 24K đã nhận từ việc cố đất, đồng ý nhận kỷ phần thừa kế mà các đồng thừa kế tặng cho và nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng tương ứng với kỷ phần thừa kế được hưởng trong đó có cả kỷ phần được tặng cho. Đối với khoản nợ anh Hồ Vũ Anh T, anh Tô Chí L khởi kiện đã có kết luận giám định không phải chữ ký của cụ Thành trong hai biên bản công nợ ngày 06/7/2016, 03/8/2018 và anh L, anh T đã rút đơn khởi kiện nên ông đồng ý với việc rút đơn này. Ngoài ra, ông K1 không yêu cầu gì khác.

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của anh Tô Chí L (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Trước đây, anh L có hợp đồng bán thức ăn và thuốc nuôi trồng thủy sản cho cụ Nguyễn Văn Thành đến ngày 03/8/2018, hai bên có đối chiều công nợ và cụ Thành xác nhận còn nợ ông L số tiền là 723.000.000 đồng. Nay cụ Thành đã chết, các con cụ Thành khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nên anh L khởi kiện yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thành gồm: Nguyễn Quốc T1, Nguyễn Quốc K1, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Quốc H2, Nguyễn Quốc N, Nguyễn Kim Đ1, Nguyễn Quốc Đ, Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Văn V cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền 723.000.000 đồng. Đến ngày 18/8/2023, anh L nộp đơn yêu cầu xin rút lại toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện. Đồng thời, do bận công việc nên người đại diện hợp pháp của anh L xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của anh Hồ Vũ Anh T (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Anh T có hợp đồng bán thức ăn và thuốc nuôi trồng thủy sản cho cụ Nguyễn Văn Thành đến ngày 06/7/2016, hai bên có đối chiều công nợ và cụ Thành xác nhận còn nợ ông số tiền là 671.574.000 đồng. Nay cụ Thành đã chết, các con cụ Thành khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nên anh T khởi kiện yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thành gồm: Nguyễn Quốc T1, Nguyễn Quốc K1, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Quốc H2, Nguyễn Quốc N, Nguyễn Kim Đ1, Nguyễn Quốc Đ, Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Văn V cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền 671.574.000 đồng. Đến ngày 18/8/2023, anh T nộp đơn yêu cầu xin rút lại toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện. Đồng thời, do bận công việc nên người đại diện hợp pháp của anh T xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Quốc N và ông Nguyễn Quốc T1 (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Các ông là con của cụ Nguyễn Văn Thành và cụ Ngô Thị Sy Gal, hai cụ chung sống với nhau có 09 người con, hai cụ chết nhưng không để lại di chúc. Vào năm 2000, cụ Thành có chuyển nhượng cho ông Trịnh Minh K phần đất có diện tích khoảng 07 – 08 công nhưng chưa chuyển tên quyền sử dụng đất cho ông K, vàng do cụ Thành nhận. Bên cạnh đó, cụ Thành có thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng để vay số tiền 930.000.000 đồng. Nay các ông cùng đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất cụ Thành để lại nhưng tặng cho lại kỷ phần thừa kế của các ông được hưởng cho anh Đ. Đồng thời, các ông biết cụ Thành nuôi tôm công nghiệp và có mua thức ăn, thuốc thủy sản của anh Hồ Vũ Anh T, anh Tô Chí L còn nợ tiền nhưng số tiền cụ thể bao nhiêu thì các ông không biết. Đối với phần đất chuyển nhượng của ông K theo đo đạc thực tế có diện tích 8972,8m^2, nay ông K có yêu cầu công nhận phần đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông K thì các ông cũng đồng ý và có cùng ý kiến với anh Đ. Do kỷ phần thừa kế của các ông đã cho lại cho anh Đ hưởng nên anh Đ có trách nhiệm trả số tiền nợ của Ngân hàng và nghĩa vụ nộp án phí. Ngoài ra, trên phần đất tranh chấp có 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 165m^2, 01 căn nhà làm chuồng gà có diện tích 31,5m^2 và 28 cây mai, 02 cây dừa kiểng, 14 bụi bông trang của ông N nhưng ông N không yêu cầu gì về tài sản này, Tòa án giải quyết đất thuộc về ai thì ông sẽ tự tháo dỡ, di dời các tài sản trên. Riêng việc ông N cố 01 phần đất cho ông Đ và nhận 2,5 chỉ vàng 24K, ông sẽ tự thỏa thuận với ông Đ. Do bận công việc làm ăn nên ông T1, ông N xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đoàn Tấn Đ2 và chị Lương Ngọc H4 (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Ngày 10/8/2020, cụ Nguyễn Văn Thành có chuyển nhượng cho vợ chồng anh Đ2 01 nền nhà với giá 20.000.000 đồng, vợ chồng anh đã đưa tiền cho cụ Thành xong và đã xây dựng 01 căn nhà cấp 4 trên đất để ở từ năm 2020 cho đến nay. Đối với phần đất nhận chuyển nhượng, do không đủ diện tích để cấp quyền sử dụng đất nên chỉ làm giấy tay, hiện phần đất chưa chuyển tên quyền sử dụng đất. Nay anh Đ2, chị H4 không yêu cầu gì đối với nhà đất này, không yêu cầu định giá. Nếu có tranh chấp anh, chị yêu cầu khởi kiện bằng vụ án khác. Đồng thời, yêu cầu giữ nguyên hiện trạng

đang sử dụng vì đất anh chị chuyển nhượng hợp pháp từ cụ Thành, do bận công việc làm ăn nên anh chị xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2023 và đơn đề nghị vắng mặt ngày 24/8/2023, ông Trịnh Văn K2 (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Ông Trịnh Minh K là em ruột của ông có nhận chuyển nhượng của cụ Thành phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 8972,8m^2, phần đất này do ông K đi làm ăn xa, không canh tác được nên giao cho ông quản lý, canh tác dùm chứ không có thuê mướn gì. Trường hợp Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông K và cụ Thành thì ông đồng ý giao toàn bộ phần đất lại và không có yêu cầu gì khác. Đồng thời, do bận công việc làm ăn nên điều kiện đi lại khó khăn ông xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Chí T2 là người đại diện hợp pháp của Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội Viettel Cà Mau trình bày:

Ngày 01/3/2009, giữa Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội Viettel Cà Mau (gọi tắt là Viettel) có hợp đồng thuê đất với cụ Nguyễn Văn Thành để làm trạm phát sóng và nhà máy nổ theo đo đạc thực tế có diện tích 7.0m^2 và 12.6m^2 với giá thuê là 21.000.000 đồng/năm. Đối với việc tranh chấp chia thừa kế thì Viettel không có ý kiến gì, hiện hợp đồng thuê đã hết hạn vào ngày 02/3/2024 và hai bên cũng không tiếp tục gia hạn hợp đồng, Viettel đã thực hiện việc di dời trạm viễn thông ra khỏi phần đất của cụ Thành. Do đó, Viettel không còn liên quan gì đến quyền lợi, nghĩa vụ của vụ án dân sự này nên anh xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H3 (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Trên phần đất tranh chấp hiện đang có 01 căn nhà của bà và ông H2 được cất vào năm 1998, hiện tại bà cùng ông Hận đi làm thuê nên không có sinh sống tại căn nhà này nhưng đối với căn nhà của bà và ông H2 đang cất trên phần đất tranh chấp bà không yêu cầu Tòa án định giá mà yêu cầu giữ nguyên hiện trạng căn nhà cho bà và ông H2 được quản lý, sử dụng. Đồng thời, bà H3 xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị K3 (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Chị đang sống cùng với anh Nguyễn Văn V trên phần đất tranh chấp, nhưng chị không có ý kiến gì đối với việc tranh chấp nêu trên và xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

Đối với chị Nguyễn Bích H5, bà Lâm Thị X và anh Nguyễn Bình N2 (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia thừa kế và hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa anh Đ với ông K1, ông N. Đồng thời, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và công nhận phần đất có diện tích 8972,8m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng ông Trịnh Minh K, ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Quốc K1 về việc trả lại cho anh Nguyễn Quốc Đ 5,5 chỉ vàng 24K và giao phần đất có diện tích 1191,7m^2 dùng vào việc thờ cúng cùng diện tích đất dùng làm lối đi vào nhà mộ cho các đồng thừa kế của cụ Thành, cụ Gal quản lý, sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, các đương sự gồm: Anh Hoàng Trung H, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Kim Đ1, ông Nguyễn Quốc N, bà Lâm Thị X, anh Nguyễn Bình N2, ông Nguyễn Quốc H2, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Quốc T1, ông Trịnh Minh K, anh Đoàn Tấn Đ2, chị Lương Ngọc H4, anh Nguyễn Chí T2, chị Trần Thị K3, ông Trịnh Văn K2 cùng chị Nguyễn Bích H5 đã có lời khai và có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc xin vắng mặt trên và tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án được xác định là tranh chấp về chia thừa kế quyền sử dụng đất; Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng mua bán, cụ thể là hợp đồng mua bán thức ăn cùng thuốc nuôi trồng thủy sản.

[2.1] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng cụ Nguyễn Văn Thành và cụ Ngô Thị Sy Gal là vợ chồng, chung sống với nhau có 09 người con chung gồm: Nguyễn Quốc T1, Nguyễn Quốc K1, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Quốc H2, Nguyễn Quốc N, Nguyễn Kim Đ1, Nguyễn Quốc Đ, Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Văn V. Ngày 24/7/2015, cụ Gal chết nhưng những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Gal không yêu cầu chia thừa kế đến ngày 07/01/2022, cụ Thành chết, hai cụ chết không để lại di chúc nên thời điểm mở thừa kế được xác định là ngày cụ Thành chết và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ là 09 người con có tên nêu trên có tranh chấp về di sản của hai cụ chết để lại là quyền sử dụng đất có diện tích 46580m^2 (theo đo đạc thực tế là 45898,3m^2) tọa lạc tại ấp Đường C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đã được Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước (nay là huyện Phú Tân) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Nguyễn Văn Thành vào ngày 01/6/1995. Do những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ không thỏa thuận được việc phân chia di sản nên ngày 11/02/2022, anh V khởi kiện yêu cầu chia thừa kế vẫn còn trong thời hiệu thừa kế theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Tuy cụ Thành lúc còn sống có phân chia phần đất ruộng cho ông Nguyễn Quốc T1, ông Nguyễn Quốc K1, ông Nguyễn Quốc H2 và ông Nguyễn Quốc N, mỗi

người hai công tầm lớn (tầm 03m) vào ngày 23/02/2001, việc chia đất có lập thành biên bản nhưng trong biên bản không có mặt đầy đủ những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Gal. Hơn nữa, việc phân chia này xảy ra sau thời điểm cụ Thành chuyển nhượng đất cho ông K và tại thời điểm chuyển nhượng, phần đất trên vẫn thuộc quyền sử dụng của cụ Thành, cụ Thành là người nhận vàng từ ông K. Dù rằng ông T1, ông N và ông H2 có nhận vàng của cụ Thành cho từ việc chuyển nhượng đất cho ông K nhưng không có căn cứ để xác định diện tích đất chuyển nhượng cho ông K là của ông T1, ông N và ông H2 nên việc cụ Thành cho vàng các ông là quyền cá nhân của cụ, hiện các thừa kế cũng không đặt ra yêu cầu gì về số vàng đã nhận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ thống nhất không thực hiện theo biên bản phân chia đất của cụ Thành mà đưa toàn bộ diện tích đất được phân chia để thực hiện chia thừa kế theo pháp luật là phù hợp.

[2.3] Bên cạnh đó, cụ Thành còn ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện P vào ngày 01/11/2021 để vay số tiền 930.000.000 đồng và thế chấp toàn bộ diện tích đất được nêu tại [2.1] để đảm bảo cho khoản vay trên, việc thế chấp có làm hợp đồng và phụ lục hợp đồng, được chứng thực vào ngày 10/4/2018 và ngày 07/7/2020. Đồng thời, được đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau và hiện khoản vay trên, đến nay vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng.

[2.4] Ngoài ra, anh Hồ Vũ Anh T cho rằng lúc còn sống cụ Thành còn nợ anh số tiền 671.574.000 đồng và nợ anh Tô Chí L số tiền 723.000.000 đồng tiền mua thức ăn cùng thuốc nuôi trồng thủy sản.

[3] Xét yêu cầu chia thừa kế của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy tuy những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thành, cụ Gal chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ do người chết để lại nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ thỏa thuận thống nhất chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của hai cụ chết để lại sau khi trừ phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông K là 8972,8m^2, trừ phần đất có diện tích 132m^2 đã chuyển nhượng cho vợ chồng anh Đ2 và trừ phần diện tích đất dùng vào việc thờ cúng 1191,7m^2 cùng diện tích đất làm đường đi vào khu mồ mả là 176,54m^2 (ngang 02m, cạnh dài 89,12m và cạnh dài 87,42m) nên phần diện tích đất còn lại để chia thừa kế có diện tích là 35425,26m^2. Việc thống nhất trừ diện tích đất nêu trên được sự đồng ý của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng, ông K và vợ chồng anh Đ2 nên chấp nhận.

[3.1] Do anh Đ là người trực tiếp chung sống, chăm sóc cụ Thành lúc còn sống cũng như lo việc mai táng khi cụ Thành chết và có công sức cùng cụ Thành bồi đắp, tôn tạo diện tích đất tranh chấp nên Hội đồng xét xử xét cho anh Đ được hưởng 20% diện tích đất trong tổng diện tích 35425,3m^2 là 7085,05m^2 nên phần diện tích đất còn lại là 28.340,2m^2 được dùng để chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế. Lẽ

ra, phần diện tích đất này chia đều cho 09 người thừa kế được hưởng kỷ phần bằng nhau, mỗi người được nhận 3148,91m^2. Tuy nhiên, bà Đ1 cùng ông H2, bà N1 tặng cho kỷ phần được hưởng cho anh V còn bà H1 tặng cho kỷ phần được hưởng cho anh V và ông K1, riêng ông N cùng ông T1 tặng cho kỷ phần được hưởng cho anh Đ. Việc tặng cho kỷ phần hừa kế của bà Đ1, ông H2, ông N, ông T1 và bà H1 có kèm theo điều kiện là những người nhận kỷ phần thừa kế phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, nghĩa vụ chịu án phí nên không thuộc trường hợp trốn tránh nghĩa vụ. Hơn nữa, ông K1 cùng anh V, anh Đ đồng ý việc này nên chấp nhận. Vì vậy, anh V được hưởng 4,5 kỷ phần thừa kế tương ứng với diện tích 14170,1m^2, anh K1 được hưởng 1,5 kỷ phần thừa kế tương ứng với diện tích 4723,3m^2 và anh Đ được hưởng 3 kỷ phần thừa kế tương ứng với diện tích 9446,7m^2, tổng diện tích đất của anh Đ được chia thừa kế và diện tích đất được hưởng do có công sức đóng góp là 16531,7m^2.

[3.2] Về vị trí phần đất nhận thừa kế:

Anh V được nhận phần đất thuộc thửa số 2’ có diện tích 254,7m^2 sau khi đã trừ phần diện tích phần đất của vợ chồng anh Đ2 là 132m^2, phần đất thuộc thửa số 1’ có diện tích 1990,1m^2, phần đất thuộc thửa số 5’ có diện tích 9026,4m^2 và một phần đất có diện tích 2898,9m^2 tiếp giáp liền kề với phần đất của ông K thuộc thửa số 7 theo bản trích đo hiện trạng thửa đất vào ngày 28/11/2022, ngày 15/8/2024 của Công ty TNHH Phát triển Xanh Việt Nam;

Anh Đ được nhận phần đất thuộc thửa số 2” có diện tích 234,6m^2, phần đất thuộc thửa số 1” có diện tích 2051,7m^2, phần đất thuộc thửa số 5” có diện tích 10489,8m^2 và một phần đất có diện tích 3755,6m^2 thuộc thửa số 5”’ tiếp giáp liền kề thửa số 5’’ theo bản trích đo hiện trạng thửa đất vào ngày 28/11/2022, ngày 15/8/2024 của Công ty TNHH Phát triển Xanh Việt Nam;

Và ông K1 được nhận phần đất thuộc thửa số 2”’ có diện tích 226,6m^2, phần đất thuộc thửa số 3 có diện tích 1582,5m^2, một phần đất thuộc thửa số 5”’ có diện tích 1276,8m^2 và một phần đất có diện tích 1814,1m^2 thuộc thửa số 7 theo bản trích đo hiện trạng thửa đất vào ngày 28/11/2022, ngày 15/8/2024 của Công ty TNHH Phát triển Xanh Việt Nam.

[3.3] Đối với căn nhà của ông H2, bà H3 xây dựng trên phần đất anh V được nhận thừa kế có diện tích 93,8m^2 (nhà số 7 theo bản vẽ hiện trạng), quá trình giải quyết vụ án anh H2 không có ý kiến gì đối với căn nhà trên, riêng bà H3 có ý kiến giữ lại ngôi nhà nhưng anh V không đặt ra yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, trường hợp sau này có tranh chấp về việc tháo dỡ, di dời căn nhà này mà các đương sự không thỏa thuận được với nhau thì có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

Riêng căn nhà phát sóng, nhà máy nổ của Viettel xây dựng trên phần đất anh Đ được chia thừa kế có diện tích 7.0m^2, 12.6m^2 (nhà số 5, số 6 theo bản vẽ hiện trạng), lúc còn sống cụ Thành đã ký hợp đồng cho Viettel thuê để làm trạm phát sóng với giá

21 triệu đồng/năm, hiện hợp đồng thuê đã hết hạn vào ngày 02/3/2024 và các bên không tiếp tục gia hạn hợp đồng, Viettel đã thực hiện việc di dời trạm viễn thông ra khỏi phần đất tranh chấp và không có yêu cầu gì đối với hợp đồng thuê đất cũng như hai căn nhà xây dựng trên đất, anh Đ cũng không có yêu cầu gì đối với Viettel nên việc anh Đ quản lý, sử dụng hai căn nhà nêu trên như thế nào là quyền của anh Đ, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với có 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 165m^2, 01 căn nhà làm chuồng gà có diện tích 31,5m^2 và 28 cây mai, 02 cây dừa kiểng, 14 bụi bông trang (nhà số 1, số 2 theo bản vẽ hiện trạng) của vợ chồng ông N nằm trên phần đất ông K1 được chia thừa kế. Quá trình giải quyết vụ án, ông N đã có ý kiến tự nguyện tháo dỡ, di dời các tài sản trên mà không yêu cầu bồi thường hay hỗ trợ di dời, riêng bà Lâm Thị X cùng anh Nguyễn Bình N2 là vợ và con của ông N không nộp ý kiến bằng văn bản đối với các tài sản trên là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình và ông K1 cũng thống nhất việc này nên ghi nhận sự tự nguyện của ông N là phù hợp.

[4] Xét tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của cụ Thành với ông Trịnh Minh K, tuy hợp đồng chỉ viết tay và hiện đã thất lạc nhưng được các đương sự thừa nhận là có thật nên không phải chứng minh. Mặc dù, hợp đồng chuyển nhượng đất có vi phạm về hình thức hợp đồng nhưng khi cụ Thành thực hiện việc chuyển nhượng, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Gal không có ý kiến gì phản đối và ông K đã thực hiện 2/3 nghĩa vụ đối với việc chuyển nhượng trên (đã trả 87,4/92,4 chỉ vàng 24k), cụ Thành cũng đã giao đất cho ông K quản lý, sử dụng từ năm 2000 cho đến nay. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thành, cụ Gal không có tranh chấp với ông K và thống nhất với việc chuyển nhượng của cụ Thành. Mặt khác, phần đất được chuyển nhượng cho ông K tuy đang thế chấp tại Ngân hàng nhưng người đại diện hợp pháp của Ngân hàng đồng ý việc chuyển nhượng trên của cụ Thành với ông K và thống nhất yêu cầu của ông K – Đây là ý chí, quyền tự định đoạt của các đương sự nên có cơ sở công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa ông K với cụ Thành là hợp pháp. Do đó, việc ông K yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 8972,8m^2 tọa lạc tại ấp Đường C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với cụ Thành là có căn cứ, được chấp nhận. Ông K có toàn quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất nêu trên và có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký với cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất nêu trên. Riêng 05 (năm) chỉ vàng 24k còn lại, các đồng thừa kế đều thống nhất giao lại cho anh V và anh Đ, nên buộc ông K có trách nhiệm trả lại cho anh V, anh Đ mỗi người 2,5 chỉ vàng 24K là phù hợp.

[5] Xét nội dung tranh chấp hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử nhận thấy với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, thể hiện việc cụ Thành có vay và hiện còn nợ

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện P số tiền vốn vay là 930.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 29/8/2024 là 332.382.000 đồng, tổng hai khoản cụ Thành còn nợ với số tiền 1.262.382.000 đồng (một tỷ hai trăm sáu mươi hai triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng) là sự thật, được các đương sự thừa nhận và đồng ý trả nợ nên không phải chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận.

Đối với việc xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản, Hội đồng xét xử thấy rằng hợp đồng, phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo khoản nợ vay được ký kết giữa Ngân hàng và cụ Thành là đúng quy định của pháp luật. Mặc dù, các đồng thừa kế chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng theo quy định của pháp luật về thừa kế, những người thừa kế được nhận kỷ phần thừa kế phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng tương ứng với kỷ phần được hưởng. Trong vụ án này, anh V cùng anh Đ và ông K1 là người nhận kỷ phần thừa kế, được các đồng thừa kế khác tặng cho kỷ phần thừa kế với điều kiện phải thực hiện nghĩa vụ thành toán nợ cho Ngân hàng và anh V, anh Đ, ông K1 cũng đồng ý. Do đó, buộc ông K1 cùng anh V và anh Đ có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng tương ứng với kỷ phần thừa kế được nhận, cụ thể:

Anh V nhận 4,5 kỷ phần thừa kế nên có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 631.190.196 đồng (trong đó, vốn vay là 464.999.998 đồng, lãi tính đến ngày 29/8/2024 là 166.190.998 đồng).

Anh Đ nhận 3 kỷ phần thừa kế nên có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 420.793.998 đồng (trong đó, vốn vay là 309.999.999 đồng, lãi tính đến ngày 29/8/2024 là 110.793.999 đồng).

Ông K1 nhận 1,5 kỷ phần thừa kế nên có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 210.396.998 đồng (trong đó, vốn vay là 154.999.999 đồng, lãi tính đến ngày 29/8/2024 là 55.396.999 đồng).

Đồng thời, kể từ sau ngày 29/8/2024 tiếp tục tính lãi phát sinh cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp ông K1, anh V và anh Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thì phải giao phần diện tích đất được nhận thừa kế nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0748689 do Uỷ ban nhân dân huyện Cái Nước (nay là huyện Phú Tân), tỉnh Cà Mau cấp cho cụ Nguyễn Văn Thành vào ngày 01/6/1995 cho Ngân hàng để yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý, phát mại thu hồi nợ là phù hợp.

[6] Xét tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, anh L và anh T có yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thành, cụ Gal thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ tiền mua thuốc và thức ăn nuôi tôm của cụ Thành nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, các đồng thừa kế không đồng ý việc cụ Thành có nợ anh T, anh L nên anh V có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của cụ Thành trong biên bản đối chiếu công nợ vào ngày 06/7/2016 và ngày 03/8/2018. Đến ngày 29/6/2024, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận chữ ký, chữ viết họ tên không phải của cụ Thành ký ra

nên anh L, anh T rút đơn khởi kiện và tại phiên tòa, các đương sự thống nhất việc rút đơn này nên đình chỉ xét xử là phù hợp.

[7] Đối với phần đất dùng vào việc thờ cúng có diện tích 1191,7m^2 và phần diện tích lối đi vào phần đất thờ cúng có diện tích 176,54m^2 (ngang 02m, cạnh dài 89,12m và cạnh dài 87,42m), tuy hai cụ chết không để lại di chúc nhưng các đồng thừa kế có yêu cầu để lại phần diện tích đất nêu trên dùng vào việc thờ cúng. Xét thấy, giá trị kỷ phần thừa kế của các đồng thừa kế được nhận thừa kế có giá trị theo định giá cao hơn so với nghĩa vụ tài sản của người chết để lại và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng cũng thống nhất việc để lại phần diện tích đất trên vào việc thờ cúng nên chấp nhận. Tuy nhiên, các đồng thừa kế không thỏa thuận được người quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng nên giao toàn bộ diện tích đất này cho các đồng thừa kế quản lý là phù hợp.

[8] Đối với việc ông K cố đất cho ông Trịnh Văn K2 phần đất có diện tích 8972,8m^2 tọa lạc tại ấp Đường C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Quá trình làm việc ông K2 không thừa nhận có việc cố đất của ông K và các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết việc cầm cố nêu trên, hiện ông K đang quản lý, sử dụng đất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Đối với việc ông K1 cố 02 công đất cho anh Đu với giá 5,5 chỉ vàng 24K và ông N cố 01 công đất cho anh Đ với giá là 2,5 chỉ vàng 24k theo đo đạc thực tế thuộc thửa số 7 với diện tích 4713m^2.

Xét thấy, việc cầm cố trên không đúng quy định của pháp luật, hiện các đương sự thống nhất đưa diện tích đất này vào chia thừa kế nên việc anh V yêu cầu hủy bỏ giao dịch cầm cố là có căn cứ và tại phiên tòa, anh Đ có yêu cầu ông K1 trả lại 5,5 chỉ vàng 24k đã nhận từ việc cố đất, ông K1 cũng đồng ý. Mặc dù, anh Đ không có đơn khởi kiện độc lập đối với ông K1 nhưng do ông K1 đồng ý trả lại số vàng trên cho anh Đ nên ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự vào bản án là phù hợp. Riêng 2,5 chỉ vàng 24K mà ông N đã nhận, anh Đ cho rằng giữa anh với ông N sẽ tự thỏa thuận thương lượng với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về chi phí tố tụng:

Đối với chi phí giám định, anh V đã trả với số tiền 6.920.000 đồng nên anh T và anh L phải hoàn trả lại chi phí này cho anh V, mỗi người phải trả với số tiền là 3.460.000 đồng.

Đối với chi phí đo đạc, anh V đã trả với số tiền 33.621.999 đồng, do yêu cầu chia thừa kế được chấp nhận nên ông K1, anh Đ phải hoàn trả cho anh V tương ứng với kỷ phần thừa kế đã nhận, cụ thể: Anh Đ phải hoàn trả cho anh V số tiền 11.207.331 đồng, ông K1 phải hoàn trả cho anh V số tiền 5.603.665 đồng.

Đối với chi phí định giá, anh Đ đã trả với số tiền 18.700.000 đồng nên ông K1 có trách nhiệm hoàn trả cho anh Đ số tiền 3.116.665 đồng, anh V hoàn trả cho anh Đ

số tiền 9.349.996 đồng đối trừ với số tiền chi phí đo đạc mà anh Đ phải hoàn trả cho anh V thì anh Đ chỉ còn hoàn trả cho anh V số tiền 1.857.335 đồng.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh V phải chịu án phí đối với kỷ phần thừa kế được nhận và án phí tương ứng với nghĩa vụ phải thực hiện đối với Ngân hàng; Anh Đ phải chịu án phí đối với việc hủy hợp đồng cầm cố đất và án phí đối với kỷ phần thừa kế được nhận (trừ phần diện tích đất được hưởng do công sức đóng góp) cùng án phí tương ứng với nghĩa vụ phải thực hiện đối với Ngân hàng; Ông K1 phải chịu án phí tương ứng với nghĩa vụ phải thực hiện đối với Ngân hàng và án phí đối với kỷ phần thừa kế được nhận. Giá đất được làm căn cứ để tính án phí chia thừa kế theo định giá là 100.607 đồng/m^2. Ngoài ra, anh V và anh Đ, ông K1 còn phải chịu án phí không giá ngạch đối với phần đất ông K được công nhận theo hợp đồng chuyển nhượng đất giữa cụ Thành với ông K. Đối với việc ghi nhận sự tự nguyện của ông K1, ông N nêu tại [3.3] và [9], không phải chịu án phí.

Ông Trịnh Minh K phải nộp án phí đối với số vàng còn phải trả cho anh V, anh Đ. Tại thời điểm xét xử, giá vàng 24K có giá là 7.730.000 đồng/chỉ và được dùng làm căn cứ để tính án phí. Riêng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cùng anh L, anh T được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định. Đối với việc tặng cho kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Quốc T1, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Quốc H2, ông Nguyễn Quốc N, bà Nguyễn Kim Đ1, và bà Nguyễn Thị H1, do việc tặng cho có kèm theo điều kiện chịu án phí nên án phí được tính cho anh V, anh Đ và ông K1 đối với kỷ phần thừa kế được nhận nên không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 129, 299, 301, 318, 319, 615, 623, 645, 650, 651 và Điều 660 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 100, 167, 188 và Điều 203 của Luật Đất đai;

Căn cứ vào các Điều 147, 157, 161, 217, 218, 219, 228, 235 và 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 100 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn V.

1.1. Hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Quốc N, ông Nguyễn Quốc K1 với anh Nguyễn Quốc Đ đối với phần đất có diện tích 4713m^2 thuộc thửa số 7 tọa lạc tại ấp Đường C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đã được Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước (nay là huyện Phú Tân) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Thành vào ngày 01/6/1995 theo bản trích đo hiện trạng thửa đất vào

ngày 28/11/2022, ngày 15/8/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Phát triển Xanh Việt Nam để chia thừa kế.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Quốc K1 về việc trả lại cho anh Nguyễn Quốc Đ 05 (năm) chỉ 05 (năm) phân vàng 24K.

1.2. Chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất tọa lạc tại ấp Đường C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo bản trích đo hiện trạng thửa đất vào ngày 28/11/2022 và ngày 15/8/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Phát triển Xanh Việt Nam đã được Uỷ ban nhân dân huyện Cái Nước (nay là huyện Phú Tân), tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0748689 cho cụ Nguyễn Văn Thành vào ngày 01/6/1995, cụ thể:

Anh Nguyễn Văn V được nhận phần đất có tổng diện tích là 14170,1m^2 thuộc các thửa đất: Thửa số 2’ gồm các điểm M3’, M5, M6, M8’ có diện tích 254,7m^2 (đã trừ phần đất có diện tích 132m^2 của vợ chồng anh Đoàn Tấn Đ2); phần đất thuộc thửa số 1’ gồm các điểm M17’, M19, M21, M21’ có diện tích 1990,1m^2; phần đất thuộc thửa số 5’ gồm các điểm M21, M21’, M22, M22' có diện tích 9026,4m^2; một phần đất thuộc thửa số 7 có diện tích 2898,9m^2 gồm các điểm M27, M28, M29, M24 đo qua tiếp giáp liền kề với phần diện tích của thửa đất số 7 mà ông Nguyễn Quốc K1 được nhận theo bản trích đo hiện trạng thửa đất vào ngày 28/11/2022, ngày 15/8/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Phát triển Xanh Việt Nam.

Anh Nguyễn Quốc Đ được nhận phần đất có tổng diện tích là 16531,7m^2 (trong đó phần nhận thừa kế có diện tích là 9446,7m^2 và phần công sức đóng góp được hưởng có diện tích 7085,05m^2) thuộc các thửa đất: Thửa số 2” gồm các điểm M2’, M3’, M8’, M9’ có diện tích 234,6m^2; phần đất thuộc thửa số 1” gồm các điểm M16, M17’, M21’, M38, M37, M39 có diện tích 2051,7m^2; phần đất thuộc thửa số 5” gồm các điểm M21’, M22’, M29, M36, M37, M38 có diện tích 10489,8m^2; một phần đất thuộc thửa số 5’” có diện tích 3755,6m^2 gồm các điểm M29, M36 đo qua tiếp giáp liền kề với phần diện tích của thửa đất số 5’’’ mà ông Nguyễn Quốc K1 được nhận theo bản trích đo hiện trạng thửa đất vào ngày 28/11/2022, ngày 15/8/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Phát triển Xanh Việt Nam.

Ông Nguyễn Quốc K1 được nhận phần đất có tổng diện tích là 4723,3m^2 thuộc các thửa đất: Thửa số 2”’ gồm các điểm M1, M2’, M9’, M11 có diện tích 226,6m^2; phần đất thuộc thửa số 3 gồm các điểm M12, M15, M40, M41 có diện tích 1582,5m^2; một phần đất thuộc thửa số 5’” có diện tích còn lại là 1276,8m^2 gồm các điểm M28, M30, M34, M35 đo qua tiếp giáp liền kề với phần diện tích đất của thửa đất số 5’’’ mà anh Nguyễn Quốc Đ được nhận và một phần đất thuộc thửa số 7 có diện tích còn lại là 1814,1m^2 gồm các điểm M25, M26 đo qua tiếp giáp liền kề với một phần thửa đất số 7 mà anh Nguyễn Văn V được nhận theo bản trích đo hiện trạng thửa đất vào ngày 28/11/2022, ngày 15/8/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Phát triển Xanh Việt Nam.

(Kèm theo bản trích đo hiện trạng thửa đất vào ngày 28/11/2022, ngày

15/8/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Phát triển Xanh Việt Nam)

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc anh Nguyễn Văn V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 631.190.196 đồng (sáu trăm ba mươi mốt triệu một trăm chín mươi nghìn một trăm chín mươi sáu đồng) trong đó, vốn vay là 464.999.998 đồng và lãi tính đến ngày 29/8/2024 là 166.190.998 đồng.

Buộc anh Nguyễn Quốc Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 420.793.998 đồng (bốn trăm hai mươi triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn chín trăm chín mươi tám đồng) trong đó, vốn vay là 309.999.999 đồng và lãi tính đến ngày 29/8/2024 là 110.793.999 đồng.

Buộc ông Nguyễn Quốc K1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 210.396.998 đồng (hai trăm mười triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi tám đồng) trong đó, vốn vay là 154.999.999 đồng và lãi tính đến ngày 29/8/2024 là 55.396.999 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 29/8/2024, anh Nguyễn Văn V và anh Nguyễn Quốc Đ, ông Nguyễn Quốc K1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà anh V, anh Đ và ông K1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Quốc K1, anh Nguyễn Văn V và anh Nguyễn Quốc Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thì phải giao phần diện tích đất được nhận thừa kế nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0748689 do Uỷ ban nhân dân huyện Cái Nước (nay là huyện Phú Tân), tỉnh Cà Mau cấp cho cụ Nguyễn Văn Thành vào ngày 01/6/1995 cho Ngân hàng để yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý, phát mại thu hồi nợ.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Minh K.

Công nhận phần đất có diện tích 8972,8m^2 tọa lạc tại ấp Đường C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thuộc thửa số 6 gồm các điểm M22, M23, M24, M29 theo bản trích đo hiện trạng thửa đất vào ngày 28/11/2022, ngày 15/8/2024 của Công ty trách nhiệm Phát triển Xanh Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Văn Thành và ông Trịnh Minh K thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Trịnh Minh K.

Ông Trịnh Minh K có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn V cùng anh Nguyễn Quốc Đ, mỗi người là 02 (hai) chỉ 05 (năm) phân vàng 24K.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Vũ Anh T về việc kiện đòi số tiền 671.574.000 đồng (sáu trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn) và yêu cầu khởi kiện của anh Tô Chí L về việc kiện đòi số tiền 723.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi ba triệu đồng).

5. Giao phần đất dùng việc thờ cúng có diện tích 1191,7m^2 thuộc thửa số 4 và phần đất lối đi vào phần đất dùng vào việc thờ cúng có diện tích 176,54m^2 (ngang 02m, cạnh dài 89,12m và cạnh dài 87,42m) gồm các điểm M15, M16, M35, M36, M37, M39, M40, M41, M42, M43 tọa lạc tại ấp Đường C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo bản trích đo hiện trạng thửa đất vào ngày 28/11/2022, ngày 15/8/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Phát triển Xanh Việt Nam cho Nguyễn Quốc T1, Nguyễn Quốc K1, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Quốc H2, Nguyễn Quốc N, Nguyễn Kim Đ1, Nguyễn Quốc Đ, Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Văn V quản lý.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Quốc N về việc tháo dỡ, di dời một căn nhà cấp 4 có diện tích 165m^2 và một căn nhà làm chuồng gà có diện tích 31,5m^2 cùng 28 cây mai, 02 cây dừa kiểng, 14 bụi bông trang (nhà số 1, số 2 theo bản trích đo hiện trạng thửa đất vào ngày 28/11/2022, ngày 15/8/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Phát triển Xanh Việt Nam) trên phần đất của ông Nguyễn Quốc K1 nhận thừa kế.

7. Về chi phí tố tụng.

Ông Nguyễn Quốc K1 có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nguyễn Văn V số tiền 5.603.665 đồng (năm triệu sáu trăm lẽ ba nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng) và hoàn trả cho anh Nguyễn Quốc Đ số tiền 3.116.665 đồng (ba triệu một trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng).

Anh Nguyễn Quốc Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nguyễn Văn V số tiền 1.857.335 đồng (một triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng).

Anh Hồ Vũ Anh T và anh Tô Chí L có nghĩa vụ hoàn trả lại chi phí giám định cho anh Nguyễn Văn V, mỗi người phải hoàn trả số tiền là 3.460.000 đồng (ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

8. Án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn V phải nộp án phí có giá ngạch đối với việc chia thừa kế và án phí đối với khoản nợ vay của Ngân hàng với tổng số tiền là 73.136.000 đồng. Vào ngày 11/02/2022 và ngày 27/11/2023, anh V đã nộp tổng số tiền tạm ứng án phí là 2.840.000 đồng theo các biên lai thu số 0017552, số 0003059 được đối trừ chuyển thu vào ngân sách nhà nước, anh V còn phải nộp tiếp số tiền án phí còn lại là 70.296.000 đồng (bảy mươi triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng – chưa nộp).

Anh Nguyễn Quốc Đ phải nộp án phí có giá ngạch đối với việc chia thừa kế, án phí đối với khoản nợ vay của Ngân hàng và án phí không giá ngạch đối với việc hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất với tổng số tiền 53.436.000 đồng (năm mươi ba triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng – chưa nộp).

Ông Nguyễn Quốc K1 phải nộp án phí có giá ngạch đối với việc chia thừa kế và án phí đối với khoản nợ vay của Ngân hàng với tổng số tiền 31.424.000 đồng. Vào ngày 03/8/2022, ông K1 đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 3.881.000 đồng theo biên lai thu số 0018148 được đối trừ chuyển thu vào ngân sách nhà nước, ông K1 còn phải nộp tiếp số tiền án phí còn lại là 27.543.000 đồng (hai mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng – chưa nộp).

Ông Nguyễn Quốc K1 cùng anh Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Quốc Đ phải chịu án phí không giá ngạch đối với việc công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng – chưa nộp).

Ông Trịnh Minh K phải chịu án phí có giá ngạch với số tiền 2.126.000 đồng. Vào ngày 29/7/2022, ông K đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018136 được đối trừ chuyển thu vào ngân sách nhà nước, ông K còn phải nộp tiếp số tiền án phí còn lại là 1.826.000 đồng (một triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng – chưa nộp).

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam không phải nộp. Vào ngày 08/4/2022, Ngân hàng đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 20.302.000 đồng (hai mươi triệu ba trăm lẻ hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0017743 được trả lại toàn bộ cho Ngân hàng.

Anh Tô Chí L không phải nộp. Vào ngày 04/8/2022, anh L đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 16.460.000 đồng (mười sáu triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018150 được trả lại toàn bộ cho anh L.

Anh Hồ Vũ Anh T không phải nộp. Vào ngày 04/8/2022, anh T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 15.431.000 đồng (mười lăm triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018149 được trả lại toàn bộ cho anh T.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lâm Hoài Ân